

Số: 178/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với hệ đại học chính quy đợt tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-Ttg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về “Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành kèm theo Quyết định 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH, ngày 04/10/2019 của Hiệu trưởng về việc ban hành “Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh”; Quyết định số 1575/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2181/QĐ-ĐHNH ngày 4/10/2019;

Xét kết quả học tập và đơn xin xét công nhận tốt nghiệp của sinh viên đợt tháng 8 năm 2021;

Căn cứ kết luận cuộc họp của Hội đồng xét tốt nghiệp ngày 29/9/2021 và Tờ trình số 281 /TTr-ĐHNH-PĐT ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 233 sinh viên đại học chính quy (bao gồm liên thông chính quy) và 03 sinh viên đại học chính quy ngành thứ 2 (song ngành) đợt tháng 8 năm 2021.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTH (để đăng tin);
- Lưu VP, PĐT.



HIỆU TRƯỞNG

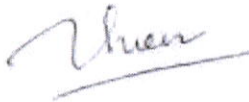
TS. Bùi Hữu Toàn

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (NGÀNH THỨ 2)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 8 NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng)

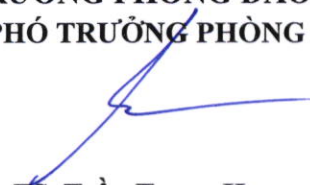
STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
1	030632160555	NGUYỄN THỊ NHẬT HẠ	05/06/1998	Nữ	DH32KQ03	7.80	3.12	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
2	030632162411	NGUYỄN DIỆU THÙY	24/02/1998	Nữ	DH32MK01	7.52	3.01	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
3	030633171454	NINH THỊ THANH MAI	19/05/1999	Nữ	DH33NH05	7.26	2.91	129	Kinh tế quốc tế	Khá

LẬP BẢNG



Đinh Đức Hiền

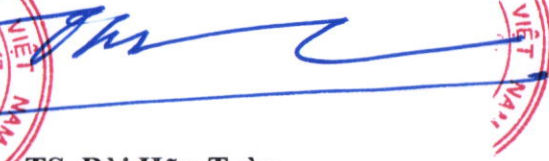
**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



TS. Trần Trọng Huy



HIỆU TRƯỞNG



TS. Bùi Hữu Toàn

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY (GỒM LIÊN THÔNG CHÍNH QUY)
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 8 NĂM 2021**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1718 /QĐ-ĐHNH, ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
1	030129130256	Trà Mô	Ra	20/03/1994	Nam	ĐH29NH_04	5.46	2.18	131	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình
2	030630141005	Phạm Hoàng	Thiên	08/12/1996	Nam	DH30TM02	6.26	2.50	129	HTTT Quản lý	Khá
3	030730140054	Đỗ Ngọc Minh	Thy	09/09/1996	Nữ	DH30AV01	6.96	2.79	146	Ngôn ngữ Anh	Khá
4	030631150122	Bùi Nguyễn Hoàng	Tân	29/05/1997	Nam	DH31DN01	6.06	2.43	129	HTTT Quản lý	Trung bình
5	030631151109	Mai Thị Huyền	Thanh	14/10/1997	Nữ	DH31KT03	7.15	2.86	129	Kế toán	Khá
6	030631150759	Nguyễn Nhật	Tâm	20/01/1997	Nữ	DH31MK01	6.25	2.50	129	Quản trị kinh doanh	Khá
7	030631151711	Thái Quốc	Cường	06/09/1997	Nam	DH31QT03	6.27	2.51	129	Quản trị kinh doanh	Khá
8	030631150289	Võ Đức	Tính	27/01/1997	Nam	DH31NH02	6.06	2.42	129	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình
9	030631151769	H Hục	Ktla	05/11/1996	Nữ	DH31NH05	5.83	2.33	129	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình
10	030631152015	Phan Ngọc	Toàn	02/02/1997	Nam	DH31NH06	7.05	2.82	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
11	030632163407	NGUYỄN THỊ KIM	Vị	12/03/1998	Nữ	DH32DN01	5.87	2.35	129	HTTT Quản lý	Trung bình
12	030632162272	TRẦN THỊ	THƠM	04/12/1997	Nữ	DH32TM01	6.43	2.57	129	HTTT Quản lý	Khá
13	030632163195	NGUYỄN THỊ THU	ANH	11/09/1998	Nữ	DH32KT05	7.08	2.83	129	Kế toán	Khá
14	030632163042	LƯU THỊ THUỶ	LOAN	14/09/1998	Nữ	DH32KT05	7.01	2.80	129	Kế toán	Khá
15	030632160004	ĐỖ THỊ BÌNH	AN	02/09/1998	Nữ	DH32KQ01	7.16	2.86	129	Kinh tế quốc tế	Khá
16	030632160555	NGUYỄN THỊ NHẬT	HẠ	05/06/1998	Nữ	DH32KQ03	7.76	3.10	129	Kinh tế quốc tế	Khá
17	030732160063	DƯƠNG TRÚC	LINH	05/02/1998	Nữ	DH32LK01	6.90	2.76	129	Luật kinh tế	Khá
18	030732160095	VÕ HOÀNG MINH	NGỌC	24/07/1998	Nữ	DH32LK01	6.54	2.62	129	Luật kinh tế	Khá
19	030732160087	VƯƠNG THỊ ÁI	NGÂN	26/02/1998	Nữ	DH32LK02	6.94	2.78	129	Luật kinh tế	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
						Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
20	030632162411	NGUYỄN DIỆU THÙY	24/02/1998	Nữ	DH32MK01	7.56	3.02	129	Quản trị kinh doanh	Khá
21	030632161314	NGUYỄN THỊ BÍCH MY	09/09/1998	Nữ	DH32MK02	6.31	2.53	129	Quản trị kinh doanh	Khá
22	030632162497	NGÔ QUỲNH BẢO TRÂM	02/02/1997	Nữ	DH32MK02	7.15	2.86	129	Quản trị kinh doanh	Khá
23	030632163433	MAI MINH HOÀNG	01/06/1998	Nam	DH32MK03	6.53	2.61	129	Quản trị kinh doanh	Khá
24	030632161231	LÊ NGUYỄN LY LY	25/12/1998	Nữ	DH32QT01	7.36	2.94	129	Quản trị kinh doanh	Khá
25	030632160239	VŨ NGỌC CUÔNG	26/10/1998	Nam	DH32QT03	7.46	2.98	129	Quản trị kinh doanh	Khá
26	030632160687	TRẦN THỊ HIỀN	07/08/1998	Nữ	DH32QT03	6.98	2.79	129	Quản trị kinh doanh	Khá
27	030632160859	NGUYỄN THỊ THẨM HƯƠNG	19/02/1997	Nữ	DH32NH01	6.79	2.72	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
28	030632162142	TRẦN ĐỨC THẠNH	27/05/1998	Nam	DH32NH01	6.49	2.59	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
29	030632162649	NGUYỄN THỊ NGỌC TRINH	23/09/1998	Nữ	DH32NH01	6.93	2.77	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
30	030632160255	NGÔ QUỐC DANH	24/05/1998	Nam	DH32NH02	6.55	2.62	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
31	030632160106	HOÀNG QUANG ANH	28/07/1998	Nam	DH32NH05	6.40	2.56	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
32	030632163022	KIỀU THỊ KIM YẾN	28/11/1998	Nữ	DH32TC04	6.63	2.65	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
33	030632160663	PHẠM MẠNH HẢO	07/03/1998	Nam	DH32TC05	7.28	2.91	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
34	030632163211	TRỊNH THỊ MỸ TRANG	20/02/1998	Nữ	DH32TC06	7.32	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
35	030233170105	Nguyễn Quỳnh Lan Anh	19/03/1999	Nữ	DH33DN01	7.47	2.99	129	HTTT Quản lý	Khá
36	030233170026	Trần Thị Thu Hà	01/05/1999	Nữ	DH33DN01	7.54	3.02	129	HTTT Quản lý	Khá
37	030233170116	Võ Thu Hà	20/05/1999	Nữ	DH33DN01	7.13	2.85	129	HTTT Quản lý	Khá
38	030233170106	Nguyễn Thị Nhã Thi	17/07/1999	Nữ	DH33DN01	7.44	2.98	129	HTTT Quản lý	Khá
39	030233170017	Hỷ Gia Vinh	10/10/1999	Nam	DH33DN01	7.38	2.95	129	HTTT Quản lý	Khá
40	030233170024	Trần Thị Xuân Yên	06/07/1999	Nữ	DH33DN01	7.65	3.06	129	HTTT Quản lý	Khá
41	030233170010	Đặng Đình Đình	27/06/1998	Nữ	DH33TM01	8.14	3.25	129	HTTT Quản lý	Giỏi

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
42	030233170092	Nguyễn Đình	Phú	21/04/1999	Nam	DH33TM01	7.33	2.93	129	HTTT Quản lý	Khá
43	030233170112	Lê Huệ	Quỳnh	23/11/1999	Nữ	DH33TM01	7.48	2.99	129	HTTT Quản lý	Khá
44	030633170988	Đặng Như Út	Hằng	02/07/1999	Nữ	DH33KT01	7.73	3.09	129	Kế toán	Khá
45	030633170240	Huỳnh Ngọc Như	Huyền	13/07/1999	Nữ	DH33KT01	7.69	3.08	129	Kế toán	Khá
46	030633170400	Lê Thị Thanh	Loan	03/10/1999	Nữ	DH33KT01	7.61	3.04	129	Kế toán	Khá
47	030633170055	Đỗ Khánh	Luỳnh	26/08/1999	Nữ	DH33KT01	8.18	3.27	129	Kế toán	Giỏi
48	030633170167	Nguyễn Thị	Thùy	29/06/1999	Nữ	DH33KT01	7.52	3.01	129	Kế toán	Khá
49	030633170056	Nguyễn Hà	Tiên	16/08/1999	Nữ	DH33KT01	7.86	3.14	129	Kế toán	Khá
50	030633170414	Nguyễn Thị Hồng	Vân	10/04/1999	Nữ	DH33KT01	6.71	2.68	129	Kế toán	Khá
51	030633170052	Lê Thị Mỹ	Ly	20/12/1999	Nữ	DH33KT02	8.59	3.44	129	Kế toán	Giỏi
52	030633170371	Trần Thị Kim	Mụi	02/09/1999	Nữ	DH33KT02	7.36	2.94	129	Kế toán	Khá
53	030633170101	Nguyễn Thị	Nhung	11/07/1999	Nữ	DH33KT02	7.82	3.13	129	Kế toán	Khá
54	030633171087	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	03/08/1999	Nữ	DH33KT03	8.03	3.21	129	Kế toán	Giỏi
55	030633171088	Dương Thị Thu	Hiền	06/02/1999	Nữ	DH33KT03	7.32	2.93	129	Kế toán	Khá
56	030633171060	Nguyễn Ngọc	Hòa	24/08/1999	Nữ	DH33KT03	7.31	2.92	129	Kế toán	Khá
57	030633171238	Ngô Phạm Thu	Huyền	01/07/1999	Nữ	DH33KT03	7.90	3.16	129	Kế toán	Khá
58	030633171211	Bùi Thị Thu	Mận	20/08/1999	Nữ	DH33KT03	8.00	3.20	129	Kế toán	Giỏi
59	030633170575	Lê Thu	Ngân	14/03/1999	Nữ	DH33KT03	7.82	3.13	129	Kế toán	Khá
60	030633171071	Tạ Thị	Phượng	29/10/1999	Nữ	DH33KT03	7.06	2.82	129	Kế toán	Khá
61	030633170887	Nguyễn Lê Ngọc	Thư	07/05/1999	Nữ	DH33KT03	7.28	2.91	129	Kế toán	Khá
62	030633171026	Lê Thị	Vân	22/09/1999	Nữ	DH33KT03	7.49	3.00	129	Kế toán	Khá
63	030633171021	Lê Nguyễn Nhật	Vi	01/03/1999	Nữ	DH33KT03	7.37	2.95	129	Kế toán	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
64	030633171347	Bùi Thị Lan	Anh	04/10/1999	Nữ	DH33KT04	7.44	2.98	129	Kế toán	Khá
65	030633170584	Nguyễn Thị	Hiền	28/04/1999	Nữ	DH33KT04	7.53	3.01	129	Kế toán	Khá
66	030633170973	Nguyễn Thị	Liệu	16/12/1999	Nữ	DH33KT04	7.55	3.02	129	Kế toán	Khá
67	030633170819	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12/08/1998	Nữ	DH33KT04	7.64	3.06	129	Kế toán	Khá
68	030633171480	Hà Thị Mỹ	Na	03/08/1999	Nữ	DH33KT04	6.95	2.78	129	Kế toán	Khá
69	030633171172	Lê Hoàng	Nga	08/10/1999	Nữ	DH33KT04	7.90	3.16	129	Kế toán	Khá
70	030633170410	Phạm Thị	Thoài	28/09/1999	Nữ	DH33KT04	8.27	3.31	129	Kế toán	Giỏi
71	030633171375	Nguyễn Thị Minh	Thư	14/11/1999	Nữ	DH33KT04	6.74	2.69	129	Kế toán	Khá
72	030633170564	Nguyễn Thị Hồng	Tươi	23/11/1999	Nữ	DH33KT04	6.82	2.73	129	Kế toán	Khá
73	030633171221	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	22/04/1999	Nữ	DH33KT05	6.53	2.61	129	Kế toán	Khá
74	030633171302	Võ Thị Bích	Huyền	10/06/1999	Nữ	DH33KT05	6.90	2.76	129	Kế toán	Khá
75	030633171498	Lê Thị Bích	Mơ	10/06/1999	Nữ	DH33KT05	6.63	2.65	129	Kế toán	Khá
76	030633171625	Nguyễn Thị Thúy	Nguyệt	26/05/1999	Nữ	DH33KT05	7.61	3.04	129	Kế toán	Khá
77	030633171505	Huỳnh Thị Thu	Thảo	17/02/1999	Nữ	DH33KT05	7.89	3.16	129	Kế toán	Khá
78	030633170381	Huỳnh Quý	Châu	19/12/1999	Nữ	DH33KQ01	8.02	3.21	129	Kinh tế quốc tế	Giỏi
79	030633171473	Phan Thị	Hoài	06/06/1999	Nữ	DH33KQ01	6.69	2.68	129	Kinh tế quốc tế	Khá
80	030633170399	Huỳnh Trúc	Lâm	03/08/1999	Nữ	DH33KQ01	7.47	2.99	129	Kinh tế quốc tế	Khá
81	030633170854	Trần Thị Huỳnh	Nga	25/02/1999	Nữ	DH33KQ01	7.86	3.14	129	Kinh tế quốc tế	Khá
82	030633170043	Nguyễn Hàn Thủy	Trúc	03/01/1999	Nữ	DH33KQ01	7.70	3.08	129	Kinh tế quốc tế	Khá
83	030633170201	Trần Thị Kim	Uyên	05/10/1999	Nữ	DH33KQ01	7.79	3.12	129	Kinh tế quốc tế	Khá
84	030633170999	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	12/01/1999	Nữ	DH33KQ02	7.30	2.92	129	Kinh tế quốc tế	Khá
85	030633170685	Vũ Thị Mỹ	Linh	13/11/1999	Nữ	DH33KQ02	7.44	2.98	129	Kinh tế quốc tế	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
86	030633171298	Phạm Thị Ngọc	Hiền	18/08/1999	Nữ	DH33KQ03	6.96	2.79	129	Kinh tế quốc tế	Khá
87	030633171635	Trần Thị Cẩm	Hòa	11/11/1999	Nữ	DH33KQ03	7.37	2.95	129	Kinh tế quốc tế	Khá
88	030633171724	Hoàng Thị Thu	Mến	07/10/1998	Nữ	DH33KQ03	7.07	2.83	129	Kinh tế quốc tế	Khá
89	030633171408	Nguyễn Thoại	Mỹ	20/01/1999	Nữ	DH33KQ03	7.17	2.87	129	Kinh tế quốc tế	Khá
90	030633171220	Nguyễn Thị Tố	Nguyên	20/12/1999	Nữ	DH33KQ03	7.22	2.89	129	Kinh tế quốc tế	Khá
91	030633171487	Lê Gia Bảo	Phong	16/11/1999	Nam	DH33KQ03	7.29	2.91	129	Kinh tế quốc tế	Khá
92	030633171403	Cao Thị Thanh	Trúc	16/12/1999	Nữ	DH33KQ03	6.75	2.70	129	Kinh tế quốc tế	Khá
93	030633171558	Võ Thị Thu	Uyên	16/04/1998	Nữ	DH33KQ03	7.52	3.01	129	Kinh tế quốc tế	Khá
94	030733170110	Tạ Thị Hồng	Đào	02/03/1999	Nữ	DH33LK01	7.25	2.90	129	Luật kinh tế	Khá
95	030733170031	Phạm Bảo	Ngân	23/09/1999	Nữ	DH33LK01	6.44	2.58	129	Luật kinh tế	Khá
96	030733170102	Trần Thị Yến	Nhi	12/06/1999	Nữ	DH33LK01	7.99	3.20	129	Luật kinh tế	Giỏi
97	030733170079	Phạm Thị Hồng	Nhung	21/01/1998	Nữ	DH33LK01	6.55	2.62	129	Luật kinh tế	Khá
98	030733170071	Nguyễn Thị Bích	Chi	06/12/1999	Nữ	DH33LK02	6.77	2.71	129	Luật kinh tế	Khá
99	030733170061	Bình Nguyễn Khánh	Duyên	01/05/1999	Nữ	DH33LK02	7.19	2.87	129	Luật kinh tế	Khá
100	030733170111	Ka	Luyện	27/02/1998	Nữ	DH33LK02	6.48	2.59	129	Luật kinh tế	Khá
101	030733170020	Trần Thanh	Nguyên	16/01/1999	Nữ	DH33LK02	7.69	3.07	129	Luật kinh tế	Khá
102	030733170003	Thị Xuân	Nhi	02/04/1999	Nữ	DH33LK02	7.59	3.04	129	Luật kinh tế	Khá
103	030733170012	Tào Việt Thành	Thông	23/10/1999	Nam	DH33LK02	6.74	2.70	129	Luật kinh tế	Khá
104	030733170043	Nguyễn Hoài	Thương	01/01/1999	Nữ	DH33LK02	7.20	2.88	129	Luật kinh tế	Khá
105	030733170030	Trần Ngọc Thảo	Vy	25/06/1999	Nữ	DH33LK02	7.14	2.86	129	Luật kinh tế	Khá
106	030433170001	Triệu Thị	Giang	07/08/1998	Nữ	DH33AV01	7.47	2.99	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
107	030433170079	Trần Thị Minh	Hạnh	28/03/1999	Nữ	DH33AV01	6.47	2.59	134	Ngôn ngữ Anh	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
108	030433170138	Lê Khánh	Huyền	07/12/1999	Nữ	DH33AV01	7.14	2.86	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
109	030433170118	Trịnh Đoàn Quế	My	12/10/1999	Nữ	DH33AV01	7.12	2.85	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
110	030433170031	Lương Thị Tuyết	Nhi	08/11/1999	Nữ	DH33AV01	7.02	2.81	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
111	030433170154	Trần Hoàng Phương	Nhi	01/11/1999	Nữ	DH33AV01	6.87	2.75	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
112	030433170038	Nguyễn Phước Minh	Quân	07/04/1999	Nam	DH33AV01	6.55	2.62	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
113	030433170003	Lâm Thị Hồng	Sinh	07/11/1999	Nữ	DH33AV01	7.15	2.86	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
114	030433170126	Hồ Thị Huyền	Trâm	03/06/1999	Nữ	DH33AV01	7.20	2.88	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
115	030433170013	Phạm Tường Lan	Vy	11/11/1999	Nữ	DH33AV01	7.70	3.08	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
116	030433170030	Nguyễn Như	Huyền	24/06/1999	Nữ	DH33AV02	7.68	3.07	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
117	030433170163	Hoàng Anh Kiều	My	20/11/1999	Nữ	DH33AV02	7.42	2.97	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
118	030433170044	Phạm Nguyễn Hoàng	Nguyên	24/02/1999	Nam	DH33AV02	6.81	2.72	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
119	030433170068	Hà Thị	Thảo	15/08/1999	Nữ	DH33AV02	7.40	2.96	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
120	030433170177	Huỳnh Nguyễn Trang	Thư	26/09/1999	Nữ	DH33AV02	6.86	2.74	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
121	030433170124	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	13/12/1999	Nữ	DH33AV02	6.72	2.69	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
122	030433170173	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	27/03/1999	Nữ	DH33AV02	6.81	2.72	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
123	030433170063	Trần Thị Thanh	Trúc	07/04/1999	Nữ	DH33AV02	7.53	3.01	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
124	030433170095	Bùi Trần	Ái	16/09/1999	Nữ	DH33AV03	7.56	3.02	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
125	030433170136	Phạm Thị Minh	Anh	05/04/1999	Nữ	DH33AV03	7.28	2.91	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
126	030433170037	Trần Quỳnh	Giang	03/03/1999	Nữ	DH33AV03	7.01	2.81	134	Ngôn ngữ Anh	Khá
127	030433170133	Nguyễn Thị Trà	My	11/11/1999	Nữ	DH33AV03	6.66	2.66	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
128	030433170172	Lê Võ Đông	Nhi	25/10/1999	Nữ	DH33AV03	7.26	2.90	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
129	030433170125	Nguyễn Đức	Phương	18/07/1999	Nam	DH33AV03	6.64	2.66	134	Ngôn ngữ Anh	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
130	030433170170	Nguyễn Thanh	Thảo	05/09/1999	Nữ	DH33AV03	7.22	2.89	135	Ngôn ngữ Anh	Khá
131	030633170659	Phan Mỹ Thùy	Giang	26/03/1999	Nữ	DH33MK01	7.73	3.09	129	Quản trị kinh doanh	Khá
132	030633170519	Hồ Thị Hoài	Hoàn	16/12/1999	Nữ	DH33MK01	7.13	2.85	129	Quản trị kinh doanh	Khá
133	030633171124	Chu Vũ Diễm	My	22/10/1999	Nữ	DH33MK01	7.15	2.86	129	Quản trị kinh doanh	Khá
134	030633170137	Nguyễn Thị Lê	Na	15/05/1999	Nữ	DH33MK01	7.14	2.85	129	Quản trị kinh doanh	Khá
135	030633170420	Nguyễn Thị Thu	Ngân	02/08/1999	Nữ	DH33MK01	7.11	2.84	129	Quản trị kinh doanh	Khá
136	030633170875	Hoàng Đào Minh	Ngọc	16/11/1999	Nữ	DH33MK01	6.56	2.62	129	Quản trị kinh doanh	Khá
137	030633171047	Trần Thị Ngọc	Sương	17/11/1999	Nữ	DH33MK01	7.42	2.97	129	Quản trị kinh doanh	Khá
138	030633171134	Hoàng Ngọc	Dung	22/07/1999	Nữ	DH33MK02	7.26	2.90	129	Quản trị kinh doanh	Khá
139	030633170702	Nguyễn Kỳ	Duyên	07/12/1999	Nữ	DH33MK02	7.41	2.97	129	Quản trị kinh doanh	Khá
140	030633171548	Đỗ Kiều	Loan	30/09/1999	Nữ	DH33MK02	7.29	2.92	129	Quản trị kinh doanh	Khá
141	030633170666	Phạm Thị Cẩm	My	18/11/1999	Nữ	DH33MK02	7.19	2.88	129	Quản trị kinh doanh	Khá
142	030633171217	Trần Thị	Phấn	10/04/1999	Nữ	DH33MK02	7.61	3.04	129	Quản trị kinh doanh	Khá
143	030633170833	Hoàng Thị Mộng	Xuân	31/12/1999	Nữ	DH33MK02	7.42	2.97	129	Quản trị kinh doanh	Khá
144	030633170014	Trịnh Thị Bảo	Ly	16/07/1999	Nữ	DH33QT01	6.47	2.59	129	Quản trị kinh doanh	Khá
145	030633170296	Phan Thị	Thảo	01/01/1999	Nữ	DH33QT01	7.63	3.05	129	Quản trị kinh doanh	Khá
146	030633170669	Tô Đắc	Thông	08/02/1999	Nam	DH33QT01	8.03	3.21	129	Quản trị kinh doanh	Giỏi
147	030633170360	Trương Thị	Vinh	07/10/1999	Nữ	DH33QT01	6.95	2.78	129	Quản trị kinh doanh	Khá
148	030633171371	Lê Thị Ngọc	Hân	15/05/1999	Nữ	DH33QT02	7.32	2.93	129	Quản trị kinh doanh	Khá
149	030633171435	Chu Mạnh	Hùng	26/11/1999	Nam	DH33QT02	6.64	2.65	129	Quản trị kinh doanh	Khá
150	030633170880	Hồ Thị Kiều	Oanh	10/01/1999	Nữ	DH33QT02	6.89	2.75	129	Quản trị kinh doanh	Khá
151	030633170884	Võ Thị Hoàng	Oanh	17/10/1999	Nữ	DH33QT02	7.40	2.96	129	Quản trị kinh doanh	Khá

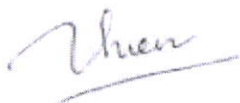
STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
152	030633171001	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	08/05/1999	Nữ	DH33QT02	7.22	2.89	129	Quản trị kinh doanh	Khá
153	030633170965	Nguyễn Thị Quỳnh	Quyên	18/02/1999	Nữ	DH33QT02	7.83	3.13	129	Quản trị kinh doanh	Khá
154	030633171484	Mai Thị	Lan	18/12/1999	Nữ	DH33QT03	7.10	2.84	129	Quản trị kinh doanh	Khá
155	030633171652	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	23/08/1999	Nữ	DH33QT03	7.21	2.88	129	Quản trị kinh doanh	Khá
156	030633171452	Huỳnh Phương	Thảo	09/07/1999	Nữ	DH33QT03	7.56	3.03	129	Quản trị kinh doanh	Khá
157	030633171489	Lê Trần Hồng	Duyên	30/01/1999	Nữ	DH33NH01	6.53	2.61	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
158	030633171335	Nguyễn Doãn Hoàng	Giang	20/07/1999	Nam	DH33NH01	6.69	2.68	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
159	030633171250	Nguyễn Thị Mỹ	Loan	25/01/1999	Nữ	DH33NH01	6.26	2.50	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
160	030633170319	Nguyễn Thị Hạ	My	14/05/1999	Nữ	DH33NH01	6.67	2.67	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
161	030633170363	Phạm Thị Cẩm	Tú	24/08/1999	Nữ	DH33NH01	6.86	2.74	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
162	030633171073	Lê Thị Ngọc	Mẫn	15/11/1999	Nữ	DH33NH02	7.01	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
163	030633170447	Cao Thiên	Phú	01/01/1999	Nam	DH33NH02	6.94	2.77	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
164	030633170946	Nguyễn Thị Huyền	Trang	06/11/1999	Nữ	DH33NH02	6.77	2.71	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
165	030633170108	Phạm Vân	Xuân	23/10/1999	Nam	DH33NH02	5.88	2.35	129	Tài chính - Ngân hàng	Trung bình
166	030633170817	Trần Cao Tâm	Đan	06/04/1999	Nữ	DH33NH03	6.59	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
167	030633170460	Trần Thị Hồng	Diễm	03/08/1999	Nữ	DH33NH03	6.60	2.64	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
168	030633171109	Ngô Thị Thùy	Dương	18/10/1999	Nữ	DH33NH03	8.18	3.27	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
169	030633170682	Trần Thị Minh	Hòa	31/05/1999	Nữ	DH33NH03	7.00	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
170	030633170596	Nguyễn Thị Thanh	Lan	01/11/1999	Nữ	DH33NH03	7.35	2.94	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
171	030633170154	Nguyễn Thị Mê	Linh	17/09/1999	Nữ	DH33NH03	6.70	2.68	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
172	030633170753	Thân Thị Thúy	Nhi	09/12/1999	Nữ	DH33NH03	6.40	2.56	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
173	030633170724	Phan Bảo	Trân	03/06/1999	Nữ	DH33NH03	6.38	2.55	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
174	030633170642	Nguyễn Bùi Anh	Trinh	02/10/1999	Nữ	DH33NH03	7.30	2.92	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
175	030633171318	Nguyễn Thị Thanh	Hạ	22/02/1999	Nữ	DH33NH04	7.17	2.87	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
176	030633171538	Huỳnh Thị Thu	Hiền	19/09/1999	Nữ	DH33NH04	7.13	2.85	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
177	030633171716	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/07/1999	Nữ	DH33NH04	7.00	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
178	030633171386	Ngô Hào	Nguyên	28/03/1999	Nữ	DH33NH04	7.09	2.84	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
179	030633171530	Văn Nguyễn Thu	Quyên	29/07/1997	Nữ	DH33NH04	7.03	2.81	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
180	030633170579	Phạm Thị	Trang	20/03/1999	Nữ	DH33NH04	7.04	2.81	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
181	030633171599	Nguyễn Hữu	Đan	08/10/1999	Nam	DH33NH05	6.95	2.78	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
182	030633170800	Võ Thị Thúy	Diễm	16/05/1999	Nữ	DH33NH05	7.01	2.80	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
183	030633171589	Đặng Thúy	Hiền	18/11/1999	Nữ	DH33NH05	7.20	2.88	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
184	030633171199	Võ Thị Minh	Hiếu	18/09/1999	Nữ	DH33NH05	6.58	2.63	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
185	030633171317	Lê Thị Hoàng	Linh	17/05/1999	Nữ	DH33NH05	6.68	2.67	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
186	030633171288	Lê Thị Bảo	Ngọc	27/05/1999	Nữ	DH33NH05	7.11	2.84	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
187	030633171326	Hoàng Đình	Tài	13/05/1999	Nam	DH33NH05	7.03	2.81	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
188	030633170053	Nguyễn Công	Thảo	07/11/1999	Nam	DH33NH05	6.83	2.73	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
189	030633171722	Nguyễn Thị	Thư	17/01/1999	Nữ	DH33NH05	6.81	2.73	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
190	030633171313	Huỳnh Thị Hồng	Viên	28/03/1999	Nữ	DH33NH05	7.08	2.83	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
191	030633170634	Đặng Thị Quỳnh	Như	24/12/1998	Nữ	DH33TC01	7.99	3.20	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
192	030633170281	Nguyễn Phúc	Thành	04/01/1999	Nam	DH33TC01	7.30	2.92	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
193	030633170176	Bùi Khánh Minh	Thảo	17/12/1999	Nữ	DH33TC01	7.53	3.01	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
194	030633170146	Bùi Nữ Mai	Thoa	10/12/1999	Nữ	DH33TC01	7.39	2.96	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
195	030633170117	Trần Hữu	Đức	28/09/1999	Nam	DH33TC02	7.87	3.15	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
196	030633170860	Nguyễn Hoàng Tiểu	Mi	05/12/1998	Nữ	DH33TC02	7.31	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
197	030633170212	Võ Hồng	Phúc	03/04/1999	Nam	DH33TC02	8.41	3.36	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
198	030633170357	Đặng Thị Như	Quỳnh	04/12/1999	Nữ	DH33TC02	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
199	030633170279	Lê Thị Hồng	Vân	27/08/1999	Nữ	DH33TC02	7.41	2.96	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
200	030633170188	Nguyễn Hồng	Hạnh	18/02/1999	Nữ	DH33TC03	7.66	3.07	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
201	030633170534	Đoàn Thị Thu	Lan	27/08/1999	Nữ	DH33TC03	7.35	2.94	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
202	030633171230	Dương Thị Hồng	Nhận	12/01/1999	Nữ	DH33TC03	7.12	2.85	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
203	030633170266	Hồ Thị Kim	Oanh	17/01/1999	Nữ	DH33TC03	7.37	2.95	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
204	030633170865	Nguyễn Lê Nhật	Minh	01/04/1999	Nữ	DH33TC04	7.32	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
205	030633171011	Phạm Thị Ngọc	Ngân	15/11/1999	Nữ	DH33TC04	7.44	2.98	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
206	030633171532	Nguyễn Thái	Nguyên	12/04/1999	Nam	DH33TC04	7.05	2.82	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
207	030633170772	Nguyễn Thị	Thanh	16/04/1999	Nữ	DH33TC04	6.63	2.65	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
208	030633170643	Trần Hoài Minh	Thư	19/02/1999	Nữ	DH33TC04	7.34	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
209	030633170871	Đào Mai	Trình	14/05/1999	Nữ	DH33TC04	6.66	2.66	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
210	030633171600	Bùi Mai Thanh	Truyền	14/01/1999	Nữ	DH33TC04	7.50	3.00	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
211	030633171536	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	17/02/1999	Nữ	DH33TC05	7.82	3.13	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
212	030633170891	Trương Đặng Châu	Giang	02/12/1999	Nữ	DH33TC05	8.92	3.57	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
213	030633170834	Nguyễn Hải	Hiền	20/02/1999	Nữ	DH33TC05	7.48	2.99	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
214	030633170019	Trương Thị Thảo	Nguyên	12/01/1999	Nữ	DH33TC05	7.62	3.05	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
215	030633170778	Trần Thị Kim	Quyên	23/02/1999	Nữ	DH33TC05	7.59	3.03	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
216	030633171083	Nguyễn Hồng	Son	28/11/1999	Nam	DH33TC05	6.93	2.77	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
217	030633170740	Nguyễn Như Anh	Thư	23/05/1999	Nữ	DH33TC05	8.34	3.33	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Ngành tốt nghiệp	Xếp loại
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC		
218	030633171570	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	23/08/1999	Nữ	DH33TC05	7.53	3.01	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
219	030633170843	Mai Thị	Điệp	15/12/1999	Nữ	DH33TC06	7.49	3.00	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
220	030633171562	Đỗ Thúy	Hân	22/05/1999	Nữ	DH33TC06	7.47	2.99	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
221	030633171478	Trần Thị Hải	Lý	06/07/1999	Nữ	DH33TC06	8.39	3.36	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
222	030633171593	Đặng Ngọc	Thanh	03/12/1999	Nữ	DH33TC06	7.83	3.13	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
223	030633171591	Huỳnh Kim	Thảo	28/05/1999	Nữ	DH33TC06	8.04	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
224	030633170655	Phan Thị Ngọc	Thảo	16/06/1999	Nữ	DH33TC06	7.58	3.03	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
225	030633171309	Lê Thị Kiều	Trình	30/08/1999	Nữ	DH33TC06	7.32	2.93	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
226	030633171203	Trương Thảo	Ly	22/11/1999	Nữ	DH33TC07	8.16	3.27	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
227	030633171546	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27/11/1999	Nữ	DH33TC07	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
228	030633171259	Lưu Tố	Như	14/12/1999	Nữ	DH33TC07	7.24	2.90	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
229	030633171592	Dương Trúc	Phương	30/05/1999	Nữ	DH33TC07	7.64	3.06	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá
230	030633171645	Phạm Thị Anh	Thư	21/01/1999	Nữ	DH33TC07	8.06	3.22	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
231	030633171608	Huỳnh Thị Thảo	Xương	12/08/1999	Nữ	DH33TC07	8.53	3.41	129	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi
232	030434180038	Mẫn Thị Anh	Đào	27/09/1998	Nữ	DH34AV01	8.31	3.32	134	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
233	060116160113	Phan Thị Bảo	Thu	01/10/1993	Nữ	LT16DH04	6.79	2.72	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá

LẬP BẢNG



Đinh Đức Hiền

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



TS. Trần Trọng Huy

HIỆU TRƯỞNG



★ TS. Bùi Hữu Toàn